

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 5 - 2024

Về việc: " Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông: Nguyễn Xuân Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đương

Ông Lê Văn Ngọc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Trúc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 311/2023/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXX- ST ngày 15/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 2001

Địa chỉ: xóm D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Có mặt

Bị đơn: Đặng Quang N, sinh năm 1991

Địa chỉ: xóm D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn và Bản tự khai ngày 22 tháng 01 năm 2024 của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Quang N lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/2020 tại Ủy ban nhân dân Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, do cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đặng Quang N.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng, chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Quang N có một người con chung tên là Đặng Đăng K, sinh 24/3/2022, hiện nay con chung đang sinh sống cùng chị T và bố mẹ đẻ tại xã T, huyện T, tỉnh Nghệ

An. Nay giải quyết ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng giữa chị T và anh N không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Bản trình bày của bị đơn Đặng Quang N ngày 16/02/2024 gửi đến cho Tòa án nhân dân huyện Đô Lương có nội dung như sau: Về nguyên nhân ly hôn là do chị T về làm dâu không làm tròn bổn phận người vợ, con dâu, gia đình chồng đã khuyên bảo nhưng vợ không nghe và chị T tự bỏ con về ở với bên ngoại, bản thân anh vì công việc, chỗ ở không ổn định, vùng xa, sống điện thoại liên lạc chập chờn và anh Nhật nghị Tòa án giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hoà giải, quyết định xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho anh Đặng Quang N theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do, vụ án không tiến hành hoà giải được do sự vắng mặt của bị đơn Đặng Quang N. Nguyên đơn Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đặng Quang N nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T yêu cầu giải quyết về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, do vậy Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đã được triệu tập họp lệ, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Đặng Quang N đã được tổng đạt họp lệ, nhưng anh N vắng mặt tại phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Đặng Quang N

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Quang N lấy nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 12/ 10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị T và anh N trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét thấy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Quang N chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do chị T và anh N thường xuyên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn tình cảm chung sống

với nhau nữa. Toà án đã tiến hành triệu tập nhiều lần hoà giải đoàn tụ để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh **N** không có mặt, do giữa chị **T** và anh **N** do tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung trong hôn nhân. Hiện nay giữa chị **T** và anh **N** không còn tình cảm vợ chồng nữa, đã sống ly thân thời gian dài, bản thân chị **T** đã đưa con chung về sống với gia đình bố mẹ đẻ tại xã **T**, huyện **T**, tỉnh **Nghệ An**, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng của chị **T** yêu cầu được ly hôn với anh **N**.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **Nguyễn Thị T** và anh **Đặng Quang N** đời sống chung thời gian đã kéo dài, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do tình tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, đời sống chung gia đình không có hạnh phúc, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau thời gian dài, do đó đời sống chung vợ chồng giữa chị **T** và anh **N** đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị **T** được ly hôn với anh **N** là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3]. Về con chung: Chị **Nguyễn Thị T** và anh **Đặng Quang N** có một người con chung tên là **Đặng Đăng K**, sinh 24/3/2022, hiện nay con chung dưới 07 tuổi đang ở cùng với chị **T**. Bị đơn anh **N** cũng không trình bày nguyện vọng nuôi con chung. Xét hiện tại chị **T** có nghề nghiệp, thu nhập và chỗ ở ổn định và chị đang trực tiếp nuôi con chung. Nay ly hôn, nguyện vọng của chị **T** mong muốn được nuôi con chung là phù hợp với quy định pháp luật, do vậy cần giao cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung và chị **T** chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **N** nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **N**

[4]. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị T** không có yêu cầu giải quyết. Nên không xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án cần buộc nguyên đơn chị **Nguyễn Thị T** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình và khoản 1 Điều 28; Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Nguyễn Thị T**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Thị T** được ly hôn với anh **Đặng Quang N**

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Quang N có một người con chung tên là Đặng Đăng K, sinh 24/3/2022. Nay ly hôn giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con chung Đặng Đăng K, sinh 24/3/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đặng Quang N đến khi chị T có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản và các khoản nợ*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung. Nên không xét.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0009333 ngày 20 /12 /2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;
- Các đương sự;
- UBND Đặng Sơn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN XUÂN ĐẠI

